

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 06 - 2022

*“V/v Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hòa và ông Trần Ngọc Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị NTH; sinh năm 1987;**

Nơi cư trú: Xóm 6, xã NA, NĐ, tỉnh Nghệ An. Xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: **Anh NXC; sinh năm 1985;**

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 6, xã NA, NĐ, tỉnh Nghệ An. Hiện nay đang ở Hàn Quốc (không có địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn NTH như sau:

Chị NTH và anh NXC tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NA, NĐ, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/01/2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung hạnh phúc. Khoảng tháng 11 năm 2010 anh CH đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Năm 2014 anh CH có về nước một lần, sau đó anh CH tiếp tục sang Hàn Quốc, cũng từ đó anh CH đi biệt biệt không về thăm gia đình, vợ con. Kể từ khi sang Hàn Quốc làm việc, anh CH ít quan tâm chia sẻ với vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc, anh CH còn có quan hệ tình cảm, chung sống như vợ chồng với một người phụ nữ khác, đã có 01 con riêng hơn 02 tuổi. Anh CH không quan tâm và không còn L lạc về với vợ, con, mâu thuẫn

vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị H làm đơn ly hôn anh CH, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử cho ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh CH có 02 người con chung là cháu NNQA, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2010 và cháu NNCD, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2015. Hiện nay cháu Anh và cháu D đang ở cùng chị H, được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành. Các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Nếu được ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con. Chị H không yêu cầu anh CH cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Quá trình từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho thân nhân và niêm yết theo quy định, nhưng bị đơn là anh NXC vắng mặt, do đó không có ý kiến.

Chị NTH chỉ biết hiện nay anh CH đang sinh sống tại Hàn Quốc nhưng không biết được địa chỉ cụ thể nơi anh CH cư trú. Tòa án đã tiến hành gửi văn bản yêu cầu ông NNB, bà NTL (là bố mẹ đẻ của anh CH) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu ông Bích, bà L thông báo với anh CH để gửi lời khai về cho Tòa án. Bà L cho biết thời gian ở nước ngoài, anh CH thường xuyên L lạc về với bà qua điện thoại, facebook bà có hỏi địa chỉ của anh CH nhưng do công việc của anh CH không ổn định nên không có địa chỉ cư trú cụ thể, do đó bà không cung cấp được địa chỉ của anh CH cho Tòa án. Bà L trình bày đã thông báo cho anh CH biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị H và anh CH, anh CH cho biết anh cũng đồng ý ly hôn chị H. Tuy nhiên anh CH không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị NTH được ly hôn anh NXC. Về con chung: Đề nghị giao con chung là NNQA, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2010 và cháu NNCD, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2015 cho chị NTH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Về án phí: Chị NTH phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí theo quy định của Pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị NTH, bị đơn anh NXC có hộ khẩu thường trú tại xóm 6, xã NA, ND, tỉnh Nghệ An. Bị đơn anh NXC hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài (Hàn Quốc) nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị NTH có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh NXC vắng mặt không có lý do. Theo Công văn số 4642/QLXNC-P5 ngày 09/03/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh NXC xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 13/8/2014 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị NTH không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh NXC. Tòa án đã gửi văn bản đề nghị ông NNB, bà NTL (là bố mẹ đẻ của anh NXC), địa chỉ: Xóm 6, xã NA, ND, tỉnh Nghệ An yêu cầu ông, bà cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh CH biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, bà L không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh CH, nhưng bà đã thông tin việc Tòa án thụ lý vụ án cho anh CH biết. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần yêu cầu ông NNB, bà NTL cung cấp địa chỉ, tin tức của anh CH cho Tòa án nhưng không có kết quả. Bà NTL cho biết anh CH vẫn gọi điện thoại về để hỏi thăm sức khỏe, bà có hỏi địa chỉ của anh CH nhưng anh CH cho biết do công việc không ổn định nên cũng không có địa chỉ ổn định, anh CH đã được bà thông báo việc chị H xin ly hôn anh, vụ án đang được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết nhưng anh CH không có ý kiến gì. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà văn hóa xóm 6 và tại Ủy ban nhân dân xã NA, ND, tỉnh Nghệ An, là địa chỉ nơi trú cư cuối cùng của anh CH trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Việc anh CH không cung cấp địa chỉ và không có ý kiến về vụ án thể hiện anh CH cố tình giấu địa chỉ. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là hoàn toàn phù hợp, đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị NTH và anh NXC kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã NA, NĐ, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh CH chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng tháng 11 năm 2010, anh CH đi lao động ở nước ngoài. Theo chị H cung cấp thì anh CH đi lao động tại Hàn Quốc. Từ khi anh CH đi ra nước ngoài đến nay, thời gian đầu vợ chồng L lạc hỏi thăm nhau, sau đó thì không L lạc nữa. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, chị thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt.

Nay chị H làm đơn ly hôn. Theo lời khai của bà NTL thì anh CH đã được bà L thông tin cho biết chị H làm đơn xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý nhưng không gửi ý kiến về cho Tòa án. Xét tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị NTH ly hôn anh NXC.

2.2 Về con chung: Chị NTH và anh NXC có 02 con chung là cháu NNQA, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2010 và cháu NNCD, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2015, hiện nay cháu Anh và cháu D đang ở với chị NTH. Do anh NXC đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ, không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung, chị H có nguyện vọng giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị NTH chưa yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị NTH phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 207; Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị NTH và anh NXC được ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là NNQA, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2010 và cháu NNCD, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2015 cho chị NTH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Chị NTH không yêu cầu và anh NXC chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị NTH phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai số 0011700 ngày 21/03/2022 (chị Hồ Thị Lan Hương nộp thay).

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Chị NTH vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tổng đặt hợp lệ

5.2. Anh NXC đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nam Anh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thúy Quỳnh